Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9506.99.10

Mã HS	9506.99.10
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools) / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Cung (kể cả nỏ) và mũi tên
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 08:56:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/95069910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18800
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18800
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18800
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18074
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18003
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18003
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18003
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18003
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18003
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18003
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18059
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18059
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18059
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18059

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18059
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18059
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18060
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18060
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18060
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18060
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18060
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18060
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18065
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18022
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18017
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18017
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18017
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18017
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18017
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18017
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18065
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18065
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18065
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18065
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18065
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18065
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18129
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18129
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18129
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18129

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18129
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18129
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18103
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18103
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18103
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18103
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18103
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18103
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18096
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18096
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18096
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18096
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18096
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18096
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D18126
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18126
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18126
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18126
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18126
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18126
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D18125
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18125
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18125
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18125
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18125
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18125

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18219
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18219
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18219
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18219
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18219
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18219
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18219
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18090
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18090
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18090
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18090
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18090
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18090
RCEP B	2022	2022	0	B!D18090
RCEP B	2023	2023	0	B!E18090
RCEP B	2024	2024	0	B!F18090
RCEP B	2025	2025	0	B!G18090
RCEP B	2026	2026	0	B!H18090
RCEP B	2027	2027	0	B!I18090
RCEP C	2022	2022	0	C!D18088
RCEP C	2023	2023	0	C!E18088
RCEP C	2024	2024	0	C!F18088
RCEP C	2025	2025	0	C!G18088
RCEP C	2026	2026	0	C!H18088
RCEP C	2027	2027	0	C!I18088
RCEP D	2022	2022	0	D!D18087

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18087
RCEP D	2024	2024	0	D!F18087
RCEP D	2025	2025	0	D!G18087
RCEP D	2026	2026	0	D!H18087
RCEP D	2027	2027	0	D!I18087
RCEP E	2022	2022	0	E!D18092
RCEP E	2023	2023	0	E!E18092
RCEP E	2024	2024	0	E!F18092
RCEP E	2025	2025	0	E!G18092
RCEP E	2026	2026	0	E!H18092
RCEP E	2027	2027	0	E!I18092
RCEP F	2022	2022	0	F!D18090
RCEP F	2023	2023	0	F!E18090
RCEP F	2024	2024	0	F!F18090
RCEP F	2025	2025	0	F!G18090
RCEP F	2026	2026	0	F!H18090
RCEP F	2027	2027	0	F!I18090
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F16962
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G16962
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16962
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16962

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9506.99 có 4 dòng thuế; dòng 9506.99.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cung (kể cả nỏ) và mũi tên.	9506.99.20 Lưới (*), đệm bảo vệ ống chân và tấm ốp bảo vệ ống chân; 9506.99.30 Quả cầu lông; 9506.99.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9506.99.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9506.99.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18800), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.